

## **PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **I. Lý do chọn đề tài:**

Một trong những điểm mới và cũng là xu thế chung của chương trình giáo dục phổ thông nhiều nước trên thế giới từ đầu thế kỉ XXI đến nay là chuyển từ dạy học cung cấp nội dung sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. Ở Việt Nam, đây là yêu cầu mang tính đột phá của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện theo Nghị quyết 29 – NQ/TU (2003) và nghị quyết 88 (2014) của Quốc hội, Ngành giáo dục tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên sẵn sàng đáp ứng mục tiêu đổi mới, trong đó tăng cường dạy học theo hướng “tích cực, liên môn” là một trong những vấn đề cần ưu tiên. Với bộ môn Sinh học, chương trình sách giáo khoa hiện hành cũng đã và đang được cải tiến song song về phương pháp giảng dạy nhằm thực hiện mục tiêu phát triển năng lực khoa học tự nhiên của học sinh đặc biệt chú trọng đến các kỹ năng cũng như thái độ trong quá trình học tập. Với sự quyết tâm của Bộ giáo dục và Đào tạo cùng với sự cố gắng nỗ lực của các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy, chất lượng bộ môn Sinh học bước đầu có nhiều tiến bộ, nhưng trên thực tế, chất lượng giáo dục còn chưa đạt những kỳ vọng như mong muốn.

Là một giáo viên trực tiếp đứng lớp và chịu trách nhiệm chính về giảng dạy bộ môn sinh học trong nhà trường, tôi rất băn khoăn, trăn trở tìm phương pháp nhằm đổi mới thực sự và nâng cao chất lượng bộ môn. Từ thực tiễn giảng dạy, qua tiếp xúc, trao đổi tâm tư thái độ với nhiều học sinh khối 9, tôi nhận thấy các em rất ít vận dụng những kiến thức khoa học để giải thích các tình huống trong đời sống, trong tự nhiên. Nguyên nhân chính không phải là do các em thiếu kiến thức môn học mà chủ yếu là do các em thiếu kiến thức xã hội, thiếu sự liên môn, thiếu các tình huống thực tế trong dạy học.

Một nguyên nhân nữa nằm ở nhận thức của nhiều giáo viên hiện nay. Chúng ta đã hiểu một cách đơn giản mục tiêu của chương trình giáo dục và thực hiện giáo dục của học sinh chúng ta hiện nay là: cứ có kiến thức thì sẽ có năng lực, năng lực sẽ được hình thành một cách tự phát. Vì thế mà giáo dục lại đi theo lối mòn là truyền thụ đơn thuần kiến thức sách vở, mà ít quan tâm đến thái độ và kỹ năng vận dụng của các em trong thực tế đời sống. Hơn nữa, trong thực tế do có nhiều nguyên nhân tác động đến tâm lý và thời gian lên lớp nên nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế đã bị lược bỏ hoặc được giao về nhà cho học sinh mà thiếu sự hướng dẫn cụ thể của giáo viên dẫn đến hiệu quả của những giờ thực hành hầu như rất thấp. Đã đến lúc chúng ta cần hiểu năng lực là việc vận dụng kiến thức sách vở vào thực tế đời sống. Nói cách khác học Sinh học là để sử

dụng kiến thức của sự sống (cùng với các môn khoa học tự nhiên khác) vào giải thích các hiện tượng đơn giản, gần gũi trong tự nhiên từ đó phát triển các năng lực tìm hiểu tự nhiên, vận dụng tự nhiên...

Chúng ta đã biết, mọi kiến thức trong cuộc sống đều có sự liên quan, bổ trợ cho nhau. Chính vì thế, dạy học theo hướng tích hợp là xu thế dạy học tiên tiến, hiện đại mà nhiều thầy cô giáo đã và đang thực hiện. Đặc biệt, môn Sinh học là môn học có thể tích hợp với nhiều kiến thức môn học khác nhằm kích thích niềm say mê, óc sáng tạo và khả năng vận dụng vào thực tế của học sinh.

Xuất phát từ những thực tế cũng như nhận thức trên tôi lựa chọn đề tài: ***“Dạy học theo chủ đề tích hợp nhằm phát triển năng lực cho học sinh trong môn Sinh học”***

## **II. Mục đích nghiên cứu:**

Đưa ra một số hướng dẫn, kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả trong việc dạy học theo chủ đề tích hợp nhằm phát huy năng lực cho học sinh.

## **III. Đối tượng nghiên cứu:**

Dạy học tích hợp theo chủ đề trong môn Sinh học.

## **IV. Đối tượng khảo sát thực nghiệm:**

Học sinh lớp 9G và 9H của trường.

## **V. Phương pháp nghiên cứu:**

1. Phương pháp nghiên cứu lý luận
2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn (quan sát, kiểm tra...)

## **VI. Phạm vi, kế hoạch nghiên cứu:**

Nghiên cứu trên phạm vi nhỏ: Tại trường THCS từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2019 – 2020 và nếu khả thi sẽ tiếp tục áp dụng cho các năm học tiếp theo.

## **VII. Đóng góp mới của đề tài về mặt khoa học:**

- Đây là đề tài có tính thực tiễn cao. Thông qua đề tài này sẽ hạn chế được tư tưởng ngại sử dụng phương pháp dạy học tích hợp vào dạy học vì sợ mất thời gian, sợ “cháy giáo án” ... để nâng cao hiệu quả dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho người học.

- Đề tài không chỉ áp dụng trong dạy học Sinh học 9 mà còn áp dụng trong dạy học Sinh học các khối, hoặc ở các môn khoa học tự nhiên khác.

- Phát triển năng lực cho học sinh khi học môn Sinh học, đặc biệt là học sinh lớp 9 – đối tượng cuối cấp, chịu áp lực về thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Thông qua việc dạy và học tích hợp sát thực tế, học sinh được trực tiếp trải nghiệm nên các em có thêm những kỹ năng sống cơ bản và cần thiết.

## **PHẦN II : GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

### **I. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

#### **1. Day học tích hợp – phương thức phát triển năng lực sinh học.**

##### **1.1. Khái niệm về dạy học tích hợp**

- Mục đích của dạy học tích hợp là để hình thành và phát triển năng lực học sinh.

- Bản chất của năng lực là khả năng của chủ thể kết hợp một cách linh hoạt, có tổ chức hợp lí các kiến thức, kỹ năng với thái độ, giá trị, động cơ nhằm đáp ứng những yêu cầu phức hợp của một hoạt động, bảo đảm cho hoạt động đó đạt kết quả tốt đẹp trong một tình huống thực tế nhất định.

- Phương pháp tạo ra năng lực đó chính là dạy học tích hợp. Theo đó, giáo dục tích hợp có những dấu hiệu cơ bản sau:

+ Thiết lập các mối quan hệ những kiến thức kỹ năng khác nhau theo một logic nhất định để thực hiện một hoạt động phức hợp.

+ Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho học sinh thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống thường ngày, làm cho học sinh hòa nhập với cuộc sống thực tiễn.

+ Làm cho quá trình học tập mang mục đích rõ ràng.

+ Nhà trường không đặt ưu tiên truyền đạt kiến thức, thông tin đơn lẻ mà phải hình thành ở học sinh năng lực tìm kiếm, quản lí, tổ chức sử dụng để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.

+ Khắc phục thói quen truyền đạt và tiếp thu kiến thức, kỹ năng rời rạc.

##### **1.2. Các nguyên tắc lựa chọn nội dung kiến thức và xác định môn học để dạy học tích hợp hình thành năng lực.**

- Nội dung kiến thức từng môn học phải hướng vào hệ thống năng lực chung và năng lực chuyên biệt.

- Mỗi môn học lập được sơ đồ ma trận quan hệ giữa hệ thống kỹ năng và nội dung kiến thức.

#### **2. Khái niệm và phân loại năng lực**

##### **2.1. Khái niệm**

*Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018)* xác định: Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động, tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

##### **2.2. Phân loại**

Có hai loại năng lực lớn:

- Năng lực cốt lõi: Là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kì ai cũng cần có để sống, học tập và làm việc hiệu quả.

- Năng lực đặc biệt: Là những năng khiếu về trí tuệ, văn nghệ, thể thao, kỹ năng sống... nhờ tổ chất sẵn có ở mỗi người.

Cũng theo “Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể” năng lực cốt lõi gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn.

+ Năng lực chung: Là năng lực được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển như: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực chuyên môn: Năng lực được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định như: Năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên – xã hội, ....

## **II. CƠ SỞ THỰC TIỄN**

### **1. Sách giáo khoa**

- Chương trình sách giáo khoa đã được đổi mới (năm 2002) với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, hiện nay đã phát sinh một số bất cập, cụ thể:

+ Một số nội dung còn chưa hợp lí, chưa gần gũi

+ Kiến thức còn công kênh, nặng về kiến thức mà chưa chú trọng thực hành, thực tế.

### **2. Học sinh**

Đa số học sinh hiện nay còn có tư tưởng môn sinh học là môn phụ nên ít chú trọng, nên còn hời hợt, đặc biệt học sinh gặp khó trong việc áp dụng kiến thức đã học vào tình huống cụ thể trong thực tế.

Khi tiến hành nghiên cứu vấn đề này, ngay từ đầu năm học tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế của học sinh.

\* *Mục đích khảo sát:* Nhằm đánh giá thực trạng vận dụng kiến thức vào thực tế để từ đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc dạy học tích hợp theo chủ đề.

\* *Đối tượng khảo sát:* HS lớp 9G và 9H của trường.

\* *Nội dung khảo sát:*

- Điều tra thực trạng vận dụng kiến thức môn Sinh học và các môn học khác trong việc giải quyết một tình huống thực tế.

- Hình thức khảo sát: Bằng cách trình bày quan điểm của bản thân trước vấn đề thực tế: Chạy thận nhân tạo; Tỷ lệ nạo phá thai...

Ví dụ: Giật mình tỷ lệ nạo phá thai tuổi vị thành niên

Theo báo cáo “*Làm mẹ khi chưa trưởng thành: Thách thức mang thai ở tuổi vị thành niên*” cho thấy hàng năm thế giới có hơn 7 triệu em gái ở các nước nghèo sinh con trước tuổi 18, trong đó khoảng 2 triệu ca là bà mẹ dưới 14 tuổi

Theo thống kê của Trung tâm Tư vấn sức khỏe sinh sản – Kế hoạch hóa gia đình của bệnh viện Phụ sản Trung ương, trong 5 năm (2008 – 2012) mỗi năm có xấp xỉ 80 – 100 ca đẻ/nạo/phá thai ở tuổi vị thành niên. Tại bệnh viện Từ Dũ

(TP. Hồ chí Minh) cũng trong giai đoạn này, tỉ lệ đẻ/phá thai ở độ tuổi vị thành niên chiếm khoảng 2,2 – 3,4% tổng số các đẻ/phá thai ở bệnh viện.

Theo Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế) tỉ lệ vị thành niên có thai trong tổng số người mang thai tăng liên tục qua các năm. Năm 2010: 2,9%; năm 2011: 3,1%; năm 2012: 3,2 % tương ứng tỉ lệ phá thai ở lứa tuổi này là 2,2%; 2,4 % và 2,3 %.

Thống kê của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam cho thấy mỗi năm cả nước có khoảng 300 ngàn ca nạo hút thai ở độ tuổi 15 – 19; trong đó 60 – 70% là học sinh, sinh viên. Theo Tổng cục dân số - Kế hoạch hóa gia đình, mặc dù tỉ lệ phá thai ở Việt Nam trong 10 năm gần đây giảm, nhưng tỉ lệ nạo phá thai ở trẻ vị thành niên, thanh niên lại có dấu hiệu gia tăng, chiếm 20% các trường hợp nạo phá thai. Với con số mang thai và nạo hút thai vị thành niên như trên, Việt Nam là nước có tỉ lệ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên cao nhất Đông Nam Á và đứng thứ 5 thế giới. (Nguồn: <http://www.dansokhhgd.soctrang.gov>)

Hãy đọc đoạn thông tin trên và trả lời các câu hỏi sau:

1) Theo em nguyên nhân nào khiến tình trạng nạo phá thai ở tuổi vị thành niên tăng cao?

2) Tại sao nạo phá thai ở tuổi vị thành niên lại là vấn đề đáng báo động đối với toàn thế giới.

3) Em có đề xuất gì để giảm tỉ lệ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên.

- Đánh giá mức độ yêu thích của học sinh khi học tập môn Sinh học.

\* *Kết quả khảo sát:*

**Bảng 1: Đánh giá mức độ diễn đạt ý kiến (bằng lời) của học sinh trước vấn đề thực tế**

Lớp	Sĩ số	Dễ hiểu, thuyết phục, hấp dẫn	Bình thường	Khó hiểu, không thuyết phục
9G	57	16	32	9
9H	56	11	27	18
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>27</b>	<b>59</b>	<b>27</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>24%</b>	<b>52%</b>	<b>24%</b>

**Bảng 2: Đánh giá mức độ lắng nghe của học sinh trước phần trình bày ý kiến của các bạn khác.**

Lớp	Sĩ số	Chăm chú, chi chép lại	Có chú ý nhưng không ghi chép	Không chú ý
9G	57	30	20	7
9H	56	21	27	8
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>27</b>	<b>59</b>	<b>27</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>45%</b>	<b>42%</b>	<b>13%</b>

**Bảng 3: Đánh giá sự phản hồi ý kiến của học sinh trước các vấn đề thực tế**

Lớp	Sĩ số	Khéo léo lịch sự	Bình thường	Gay gắt
9G	57	23	25	9
9H	56	20	27	9
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>43</b>	<b>52</b>	<b>18</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>38%</b>	<b>46%</b>	<b>16%</b>

Kết quả của các bảng 1; 2; 3 cho thấy các năng lực như diễn đạt ý kiến (bằng lời) của học sinh hay năng lực lắng nghe cũng như năng lực phản hồi trước những ý kiến bất đồng còn chưa cao, chưa khéo léo, còn nhiều học sinh gay gắt...

**Bảng 4: Đánh giá mức độ yêu thích của học sinh khi học tập môn Sinh học**

Lớp	Sĩ số	Rất thích học	Không thích học	Không ý kiến
9G	57	26	20	11
9H	56	20	30	6
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>46</b>	<b>50</b>	<b>17</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>41%</b>	<b>44%</b>	<b>15%</b>

Qua bảng 4 cho thấy tỉ lệ học sinh không thích học bộ môn Sinh học (44%) nhiều hơn tỉ lệ học sinh yêu thích (41%) môn này khi học tập, số còn lại (15%) là không có ý kiến.

Để tìm hiểu nguyên nhân cho các kết quả trên, tôi tiến hành tiếp xúc và trao đổi với học sinh và nhận thấy: Các em chưa có kỹ năng trong việc diễn đạt, thiếu kỹ năng lắng nghe và đặc biệt chưa có kỹ năng phản hồi ý kiến một cách tích cực và xây dựng. Và cũng chính vì thế mà tỉ lệ học sinh yêu thích môn Sinh học chưa được cao.

### **3. Giáo viên**

Hiện nay, với sự quan tâm của các cấp quản lí giáo dục đội ngũ giáo viên dạy Sinh học đang được bồi dưỡng, nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Sinh học ở trường phổ thông. Thực tế cho thấy đã có rất nhiều thầy cô giỏi, có những nghiên cứu khoa học hữu ích góp phần đào tạo những thế hệ công dân có ích, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước trong tương lai. Với mong muốn góp phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc đổi mới và phát triển của Ngành Giáo dục, tôi mạnh dạn nghiên cứu việc dạy học theo chủ đề tích hợp nhằm phát triển năng lực cho học sinh trong môn Sinh học 9.

### **4. Ưu điểm của phương pháp dạy học theo chủ đề**

#### **2.1. Đối với học sinh**

Các chủ đề liên môn, tích hợp có tính thực tiễn nên sinh động, hấp dẫn, có ưu thế trong việc tạo ra động cơ, hứng thú học tập cho học sinh. Học các chủ đề tích hợp, liên môn, học sinh được tăng cường vận dụng kiến thức tổng hợp vào giải quyết các tình huống thực tiễn, ít phải ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Điều quan trọng hơn là các chủ đề tích hợp, liên môn giúp cho học sinh không

phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau, vừa gây quá tải, nhàm chán, vừa không có được sự hiểu biết tổng quát cũng như khả năng ứng dụng của kiến thức tổng hợp vào thực tiễn.

## *2.2. Đối với giáo viên*

Đối với giáo viên thì ban đầu có thể có chút khó khăn do việc phải tìm hiểu sâu hơn những kiến thức thuộc các môn học khác. Tuy nhiên khó khăn này chỉ là bước đầu và có thể khắc phục dễ dàng bởi hai lý do:

Một là, trong quá trình dạy học môn học của mình, giáo viên vẫn thường xuyên phải dạy những kiến thức có liên quan đến các môn học khác và vì vậy đã có sự am hiểu về những kiến thức liên môn đó.

Hai là, với việc đổi mới phương pháp dạy học hiện nay, vai trò của giáo viên không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học của học sinh cả ở trong và ngoài lớp học; vì vậy, giáo viên các bộ môn liên quan có điều kiện và chủ động hơn trong sự phối hợp, hỗ trợ nhau trong dạy học.

Như vậy, dạy học theo các chủ đề liên môn không những giảm tải cho giáo viên trong việc dạy các kiến thức liên môn trong môn học của mình mà còn có tác dụng bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm cho giáo viên, góp phần phát triển đội ngũ giáo viên bộ môn hiện nay thành đội ngũ giáo viên có đủ năng lực dạy học kiến thức liên môn, tích hợp.

## **III. NỘI DUNG GIẢI PHÁP**

### ***1. Các bước dạy học theo chủ đề***

#### *1.1. Xây dựng chuyên đề dạy học*

Thay cho việc dạy học đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong sách giáo khoa như hiện nay, các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở rà soát chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng.

#### *1.2. Biên soạn câu hỏi/bài tập*

Với mỗi chuyên đề đã xây dựng, xác định và mô tả 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Trên cơ sở đó, biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo chuyên đề đã xây dựng.

#### *1.3. Thiết kế tiến trình dạy học*

Tiến trình dạy học chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của học sinh để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ

thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng.

#### *1.4. Tổ chức dạy học và dự giờ*

Trên cơ sở các chuyên đề dạy học đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên thực hiện bài học đề dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của học sinh* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có học sinh bị "bỏ quên".

- *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

- *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi chuyên đề được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng. Khi dự một giờ dạy, giáo viên cần phải đặt nó trong toàn bộ tiến trình dạy học của chuyên đề đã thiết kế. Cần tổ chức ghi hình các giờ dạy để sử dụng khi phân tích bài học.

#### *1.5. Phân tích, rút kinh nghiệm bài học*

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của học sinh dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của học sinh, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên.

Việc phân tích bài học có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Tiêu chí</b>
<b>1. Kế hoạch</b>	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.



<b>và tài liệu dạy học</b>	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .
	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.
	Mức độ hợp lí của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.
<b>2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh</b>	Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ học tập</i> .
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
<b>3. Hoạt động của học sinh</b>	Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh.
	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

**2. Một số ví dụ về dạy học tích hợp theo chủ đề trong môn sinh học:**

**Chủ đề: Bệnh và tật di truyền ở người**

**\*Mục tiêu:**

- + Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh một số bệnh tật di truyền.
- + Phân tích được cơ sở khoa học của một số biện pháp nhằm hạn chế phát sinh bệnh, tật di truyền.
- + Định hướng phát triển các năng lực: Tìm tòi, khám phá và vận dụng kiến thức vào giải thích một số hiện tượng thực tiễn, kỹ năng hợp tác.

\* Phương pháp dạy học: Dạy học giải quyết vấn đề.

\* Phương tiện dạy học: Tranh ảnh về bộ NST của người bệnh Đào, Tóc nơ, tranh về kiểu hình của một số bệnh tật di truyền khác.

\* Tiến trình dạy học.

**Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên nhân và cơ chế phát sinh bệnh di truyền.**

Năng lực và kỹ năng hướng tới: kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích, kỹ năng khái quát, hợp tác và làm việc nhóm.

Giáo viên nêu tình huống: Cô Lan sinh được một bé trai, cô Hoa sinh một bé gái. Khi các bé được khoảng 6 tháng tuổi, các cô thấy 2 bé đều phát trieenr không bình thường về ngoại hình và những biểu hiện ban đầu không bình thường về trí tuệ nên đưa 2 bé đến bệnh viện khám. Các bác sỹ kết luận bé trai nhà cô Lan bị bệnh Đào, còn bé gái nhà cô Hoa bị bệnh Tóc nơ. Bác sỹ hỏi: “Lúc sinh cháu, các cô bao nhiêu tuổi?” Theo em, vì sao bác sỹ cần biết về tuổi

của 2 cô ấy lúc sinh con? Em có thể hỏi thêm những câu hỏi nào nữa nếu em là bác sỹ?

Bước 1: Tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề.

- Giáo viên (GV) chia lớp thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu về bệnh Đao, 2 nhóm tìm hiểu về bệnh Tơc nơ.

- GV nhấn mạnh một số vấn đề trong tình huống ở trên để học sinh nảy sinh những thắc mắc và đề xuất các câu hỏi và vấn đề trong tình huống.

Dự kiến câu hỏi: - Trẻ bị bệnh Đao và bệnh Tơc nơ có biểu hiện ngoại hình và trí tuệ bất thường như thế nào?

- Cơ sở để bác sỹ kết luận trẻ bị bệnh Đao, Tơc nơ là gì?

- Tuổi của người mẹ liên quan gì đến phát sinh các bệnh trên?

Các câu hỏi trên được giải quyết là cơ sở hình thành câu hỏi chốt vấn đề:

- Nguyên nhân và cơ chế phát sinh bệnh Đao, Tơc nơ là gì?

- Sơ đồ minh họa cơ chế phát sinh bệnh Đao và bệnh Tơc nơ được thể hiện như thế nào?

- Những yếu tố nào có thể là nguyên nhân gây ra các bệnh di truyền đó?

Bước 2: Tìm tòi khám phá một số bệnh tật di truyền khác

- Giáo viên nêu bài tập: Yêu cầu học sinh đọc tài liệu, tìm hiểu ở địa phương, làm báo cáo về bệnh, tật di truyền.

Lưu ý: Trong quá trình học sinh tìm hiểu, GV yêu cầu học sinh tổng hợp các thông tin liên quan đến người mắc bệnh như: tên, tuổi, môi trường sống, điều kiện làm việc của bố, mẹ....

Sau khi các nhóm báo cáo kết quả: Giáo viên chiếu hình, treo tranh một số bệnh, tật di truyền và những biểu hiện của bệnh bạch tạng, câm điếc bẩm sinh, dính ngón tay chân...

Tiếp đó yêu cầu học sinh: 1. Chỉ ra các biểu hiện bệnh và thử chẩn đoán các nguyên nhân gây ra bệnh, tật di truyền trên. 2. Nhận biết các bệnh di truyền. 3. Phân biệt bệnh với tật di truyền.

Hoạt động 2: Khám phá một số tật di truyền ở người.

Năng lực và kỹ năng hướng tới: Kỹ năng phân tích, khái quát, kỹ năng hợp tác, báo cáo, hoạt động nhóm và phản biện.

Bước 3: Liệt kê những tật di truyền do đột biến NST, tật di truyền do đột biến gen.

GV tổ chức cho lớp thành 8 nhóm để thực hiện các nhiệm vụ

1. Kể tên những tật di truyền do đột biến gen, những tật di truyền do đột biến NST.

2. Nhận xét về mức độ biểu hiện của những tật di truyền do đột biến gen và đột biến NST.

3. Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về mức độ biểu hiện của các tật di truyền đó.

GV: Yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận và lấy dẫn chứng bảo vệ lập luận của mình.

\*Kiểm tra đánh giá

Nêu cơ sở khoa học của tư vấn hôn nhân. Vì sao những người họ hàng gần nhau không nên kết hôn với nhau?

**Chủ đề: Sinh sản ở người**

Chủ đề này bao gồm nội dung kiến thức thuộc các bài:

Bài 60: Cơ quan sinh dục nam

Bài 61: cơ quan sinh dục nữ

Bài 62: Thụ tinh thụ thai và phát triển của thai

Bài 63: Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai

Bài 64: Các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Bài 65: Đại dịch AIDS – thảm họa loài người.

\* Mục tiêu: - Trình bày cấu tạo cơ quan sinh dục nam, nữ.

- Phân biệt được các quá trình thụ tinh, thụ thai, các giai đoạn trong quá trình phát triển của thai

- Vận dụng kiến thức giáo dục sức khỏe vị thành niên

- Định hướng phát triển năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng sử dụng thông tin và truyền thông.

\* Phương pháp dạy học: Nêu và giải quyết vấn đề. Sử dụng kỹ thuật phòng tranh, sơ đồ tư duy.

\* Tiến trình dạy học : Với chủ đề này tôi hình thành kiến thức thông qua 4 hoạt động là:

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai

Hoạt động 3: Tìm hiểu cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai

Hoạt động 4: Tìm hiểu các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Ở đây, tôi xin phép chia sẻ tiến trình hoạt động 4.

Năng lực hướng tới: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

Bước 1: Đặt vấn đề	GV: Hiện nay có nhiều kênh thông tin tuyên truyền về phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Nhưng theo thống kê của tổ chức y tế thế giới WHO, xu hướng nhưng người mắc các bệnh tình dục lại tăng lên. Tại sao lại như vậy? Các bệnh tình dục này là gì? Phòng tránh chúng ra sao?	Nhận biết vấn đề
Bước 2: Hình thành nhóm chuyên gia (vòng 1)	* Chia nhóm : Chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 thành viên, đánh số từ 1 đến 6. * Giao nhiệm vụ nhóm: Nhóm 1 và 4: Tìm hiểu về bệnh lậu Nhóm 2,5: Tìm hiểu về bệnh giang mai Nhóm 3 và 6: Tìm hiểu bệnh AIDS Mỗi nhóm hoàn thành các câu hỏi định hướng: Tác nhân gây bệnh, tác hại của bệnh và con đường lây truyền.	- Các nhóm nhận và thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận, thống nhất câu trả lời
Bước 3: Hình	* Hình thành nhóm mới theo kỹ thuật mảnh ghép.	HS di chuyển theo yêu cầu.

<p>thành mảnh ghép</p>	<p>- GV yêu cầu HS các nhóm thảo luận câu hỏi vòng mảnh ghép + Em hãy đề xuất các biện pháp phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường sinh dục. + Theo em làm thế nào để giảm bớt tỉ lệ người mắc các bệnh tình dục trong xã hội hiện nay? + Em có ý kiến gì khi đưa người mắc bệnh tình dục vào sống chung trong cộng đồng? * Thảo luận báo cáo GV yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận, báo cáo kết quả. * Tổng hợp đánh giá chuẩn kiến thức - GV cho các nhóm nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV: Nhận xét hoạt động, kết quả thảo luận của các nhóm, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>HS nhận nhiệm vụ, phân công công việc của từng thành viên. HS tiến hành thảo luận: + Các chuyên gia trình bày ý kiến của nhóm mình trong vòng 1. + Sau khi nghe chuyên gia trình bày, HS tiến hành thảo luận hoàn thành nhiệm vụ mới - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. - HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau.</p>
--------------------------------	---	--

Một số hình ảnh bài làm của học sinh:



### **PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

#### **I. Kết quả đạt được**

\*Sau một thời gian tiến hành dạy học theo chủ đề tôi nhận thấy có tác dụng rất lớn đến người dạy và người học. Cụ thể:

Đối với giáo viên:

+ Tích cực, chủ động hơn trong quá trình dạy học, giáo viên chuyển vai trò từ người là trung tâm sang vai trò tham vấn.

+ Được cùng học sinh lựa chọn chủ đề, kích thích sáng tạo và làm việc trong môi trường học tập năng động.

Đối với học sinh:

+ Tích cực tham gia học tập, phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo, học tập của học sinh. Học sinh vừa học, vừa kết hợp tìm hiểu các kiến thức liên quan đến bài học qua mỗi nhiệm vụ cụ thể.

+ Tạo ra môi trường học tập công bằng, lành mạnh. Gây hứng thú trong học tập và khơi gợi tư duy, trí nhớ bền bỉ...

+ Học sinh có thể chủ động phát huy năng lực sở trường và khắc phục được những hạn chế, tăng sự hòa đồng và đoàn kết.

+ Biết tự đánh giá và đánh giá các ý kiến, quan điểm, các sản phẩm hoạt động học tập của bản thân và bạn bè.

***\*Kết quả khảo sát sau khi thực hiện giải pháp của đề tài***

#### ***3.5.1. Tiến hành khảo sát đối chiếu***

**Đánh giá mức độ yêu thích của học sinh khi học tập môn Sinh học**

***\* Trước khi thực hiện giải pháp của đề tài:***

<b>Lớp</b>	<b>Sĩ số</b>	<b>Rất thích học</b>	<b>Không thích học</b>	<b>Không ý kiến</b>
9G	57	26	20	11
9H	56	20	30	6
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>46</b>	<b>50</b>	<b>17</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>41%</b>	<b>44%</b>	<b>15%</b>

***\* Sau khi thực hiện giải pháp của đề tài:***

<b>Lớp</b>	<b>Sĩ số</b>	<b>Rất thích học</b>	<b>Không thích học</b>	<b>Không ý kiến</b>
9G	57	33	15	9
9H	56	29	15	12
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>59</b>	<b>30</b>	<b>21</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>55%</b>	<b>27%</b>	<b>18%</b>

**Đánh giá mức độ diễn đạt ý kiến của học sinh trước vấn đề thực tế**

*\* Trước khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

Lớp	Sĩ số	Dễ hiểu, thuyết phục, hấp dẫn	Bình thường	Khó hiểu, không thuyết phục
9G	57	16	32	9
9H	56	11	27	18
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>27</b>	<b>59</b>	<b>27</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>24%</b>	<b>52%</b>	<b>24%</b>

*\* Sau khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

Lớp	Sĩ số	Dễ hiểu, thuyết phục, hấp dẫn	Bình thường	Khó hiểu, không thuyết phục
9G	57	26	27	4
9H	56	21	22	13
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>47</b>	<b>49</b>	<b>17</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>42%</b>	<b>43%</b>	<b>15%</b>

**\* Đánh giá mức độ lắng nghe của học sinh trước phần trình bày ý kiến của các bạn khác**

*\* Trước khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

Lớp	Sĩ số	Chăm chú, chi chép lại	Có chú ý nhưng không ghi chép	Không chú ý
9G	57	30	20	7
9H	56	21	27	8
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>27</b>	<b>59</b>	<b>27</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>45%</b>	<b>42%</b>	<b>13%</b>

*\* Sau khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

Lớp	Sĩ số	Chăm chú, chi chép lại	Có chú ý nhưng không ghi chép	Không chú ý
9G	57	43	10	4
9H	56	31	20	5
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>74</b>	<b>30</b>	<b>9</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>65%</b>	<b>27%</b>	<b>8%</b>

**Đánh giá sự phản hồi ý kiến của học sinh trước các vấn đề thực tế**

*\* Trước khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

Lớp	Sĩ số	Khéo léo lịch sự	Bình thường	Gay gắt
9G	57	23	25	9
9H	56	20	27	9
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>43</b>	<b>52</b>	<b>18</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>38%</b>	<b>46%</b>	<b>16%</b>

*\* Sau khi thực hiện giải pháp của đề tài:*

<b>Lớp</b>	<b>Sĩ số</b>	<b>Khéo léo lịch sự</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Gay gắt</b>
9G	57	32	18	7
9H	56	30	25	4
<b>Tổng</b>	<b>113</b>	<b>62</b>	<b>43</b>	<b>11</b>
<b>(%)</b>	<b>100%</b>	<b>55%</b>	<b>38%</b>	<b>10%</b>

Qua bài bảng tổng kết số phiếu khảo sát mức độ yêu thích môn học trước và sau khi thực hiện giải pháp của đề tài ta thấy: số học sinh yêu thích môn học tăng 14%, số học sinh không yêu thích môn học giảm 17%, số học sinh không nêu ý kiến cũng giảm so với ban đầu là 3%.

Đặc biệt các chỉ số phát triển năng lực của học sinh đều tăng: Diễn đạt dễ hiểu, thuyết phục tăng từ 24% lên 42%. Mức độ lắng nghe chăm chú tăng từ 45% lên 65% hay năng lực phản hồi ý kiến khéo léo lịch sự tăng từ 38% lên 55%.

## **II. Khuyến nghị, đề xuất:**

Trong quá trình nghiên cứu, tôi nhận thấy đề dạy học chủ đề mang lại hiệu quả cao trong việc phát triển năng lực cho học sinh, đặc biệt là năng lực trình bày (24% lên 42%). Vì vậy tôi kiến nghị cần phổ biến hơn nữa phương pháp này trong các nhà trường.

Đạy học theo chủ đề yêu cầu HS phải hoàn thành những nhiệm vụ thực tế vì vậy mà kinh phí cho mỗi chủ đề cũng là điều cần quan tâm.

Do thời gian nghiên cứu, cũng như quá trình sử dụng phương pháp dạy học chủ đề chỉ trong thời gian hai năm học gần đây, thiết bị hỗ trợ và môi trường áp dụng dạy học chủ đề còn hạn chế, nên trong quá trình nghiên cứu nhiều vấn đề còn chưa đầy đủ, toàn diện nên tôi rất mong quý bạn đọc cũng như các đồng nghiệp có những ý kiến đóng góp tích cực nhằm phát triển cho đề tài ngày càng hoàn thiện hơn.

***Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020***

**Người viết**

***Dương Thị Duyên***